

Số: **84/2020/DS-PT**

Ngày: 13/3/2020

V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều – Kiểm sát
viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLPT-DS ngày 20/01/2020 về tranh
chấp hợp đồng vay tài sản

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án
nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2020/QĐ-PT ngày
10/02/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Ấp B A A, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Như T là ông Phạm Quốc
V, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp A H T, xã B K T, huyện MCN, tỉnh Bến Tre (Có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp BT, xã VT, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Như T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Quốc V trình bày: Vào ngày 10 tháng 4 năm 2017, bà Nguyễn Thị Như T có cho ông Nguyễn Bá T vay số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), không tính lãi. Khi vay tiền, ông T có ký biên nhận nợ do bà T viết. Mục đích ông T vay tiền là để trả nợ ngân hàng, khi nào ngân hàng cho vay lại thì ông T sẽ trả nợ cho bà T. Đến khoảng 03 tháng sau thì ông T có trả cho bà T được 100.000.000 đồng nên bà T ghi tiếp vào biên nhận nợ ngày 10/4/2017 nội dung “còn nợ lại 20t (Hai chục triệu)”. Từ đó đến nay bà T đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ nhưng ông T không chịu trả. Nay bà T yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Bá T trình bày: Ông Nguyễn Bá T thừa nhận vào ngày 10/4/2017 có vay của bà Nguyễn Thị Như T số tiền 120.000.000 đồng và có ký biên nhận nợ đề ngày 10/4/2017. Mục đích ông vay tiền là để đáo hạn ngân hàng, khi nào ngân hàng cho vay lại thì ông sẽ trả tiền cho bà T. Thông thường, khi trả tiền xong cho ngân hàng là khoảng 06 (sáu) đến 07 (bảy) ngày là ngân hàng cho vay lại, khi đó ông sẽ trả tiền vốn cho bà T và tiền lãi là 3.000.000 đồng. Giữa ông và bà T trước giờ cũng quen biết nhau, bà T cũng nhiều lần giúp ông nộp hồ sơ vào ngân hàng để được sớm vay tiền nhưng lần này bà T để thời gian kéo dài gần 03 tháng. Do đó ông mới lấy lại hồ sơ, trực tiếp nộp ở ngân hàng BIDV tại huyện MCB vay được 120.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền là ông trả liền cho bà T 120.000.000 đồng nhưng không có lấy lại biên nhận nợ, bà T cũng không có viết giấy nhận tiền cho ông. Nay ông xác định đã trả cho bà T số tiền gốc 120.000.000 đồng nên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Số tiền 20.000.000 đồng mà bà T yêu cầu ông trả thực chất là tiền lãi. Trong việc này lỗi là ở bà T cố tình không nộp hồ sơ vay tiền ngân hàng cho ông, để thời gian dài để tính tiền lãi. Vì vậy, nay ông chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền lãi trong thời gian từ 06 đến 07 ngày là 3.000.000 đồng và đến nay do thời gian cũng đã hơn 02 năm nên ông đồng ý trả thêm cho bà T số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng là 8.000.000 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 120/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T đối với ông Nguyễn Bá T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Bá T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/10/2019 bà Nguyễn Thị Như T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Bá T phải trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên Toà phúc thẩm, bà T giữ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Bị đơn là ông Nguyễn Bá T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 238 Bộ luật Tố Tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông T.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Ông T cho rằng đã trả đủ tiền cho bà T nên không đồng ý trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng nhưng ông T không có chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó theo quy định tại khoản 2, Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Như T có cho ông Nguyễn Bá T vay số tiền 120.000.000 đồng, khoảng 03 tháng sau thì ông T đã trả cho bà được 100.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng đến nay chưa trả nên bà yêu cầu ông T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ này. Ông T thừa nhận có vay của bà T 120.000.000 đồng nhưng ông đã trả xong số tiền này cho bà T.

[2] Căn cứ để bà T khởi kiện là “Biên nhận” viết tay đề ngày 10/4/2017. Ông T thừa nhận vào ngày 10/4/2017 ông có vay của bà T số tiền 120.000.000 đồng và có ký biên nhận nợ, ông T đã trả cho bà T toàn bộ số tiền trên. Bà T cho rằng ông T mới trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng nên bà T ghi tiếp vào “Biên nhận” đề ngày 10/4/2017 với nội dung “còn nợ lại 20t (hai chục

triệu)". Tờ "Biên nhận" đề ngày 10/4/2017 có chữ ký của ông T và được ông T thừa nhận. Tuy nhiên, phần nội dung mà bà T tự ghi thêm là "còn nợ lại 20t (hai chục triệu)" thì không có chữ ký của ông T.

Ông T cho rằng ông đã trả cho bà T số tiền gốc 120.000.000 đồng nên ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Số tiền 20.000.000 đồng mà bà T yêu cầu ông trả thực chất là tiền lãi. Tại khoản 2, Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Tuy nhiên, ông T không có chứng cứ gì để chứng minh là ông đã trả cho bà T số tiền 120.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng mà bà T yêu cầu là tiền lãi. Đối chiếu với quy định trên thì lời trình bày của ông T là không có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 20.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Như T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 120/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như T đối với ông Nguyễn Bá T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Bá T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Bá T phải có trách nhiệm chịu án phí là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000759 ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006853, ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Nguyễn Thế Hồng

Huỳnh Ngọc Dũng

